

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về việc: “Quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số”; Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT:BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc: “Quy định chi tiết Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ”;

Căn cứ Công văn số 16476/BTC-NSNN ngày 17/11/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Kinh phí hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 5222/TTr-STC-HCSN ngày 09/12/2016 về việc: “Đề nghị phê duyệt phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ”, kèm theo đề nghị của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại Công văn số 325/CCDS-TCHCTV ngày 02/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chính như sau:

1. Số đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2015, 2016 (Theo số liệu thẩm định, báo cáo của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Thanh Hóa và Sở Tài chính Thanh Hóa) là: 1.846 người (Một nghìn, tám trăm bốn mươi sáu người).

2. Nhu cầu kinh phí hỗ trợ theo quy định: 3.692.000.000,0 đồng (Ba tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu đồng).

Trong đó:

2.1. Năm 2015 là: 1.038.000.000,0 đồng.

2.2. Năm 2016 là: 2.654.000.000,0 đồng.

3. Kinh phí Trung ương cấp hỗ trợ năm 2016 cho tỉnh (Tại Công văn số 16476/BTC-NSNN Ngày 17/11/2016 của Bộ Tài chính) là: 1.860.000.000,0 đồng (Một tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng).

4. Kinh phí hỗ trợ phân bổ đợt này:

4.1. Tổng số: 1.860.000.000,0 đồng (Một tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng). *(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).*

4.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn Trung ương cấp hỗ trợ năm 2016 cho tỉnh tại Công văn số 16476/BTC-NSNN Ngày 17/11/2016 của Bộ Tài chính.

5. Tổ chức quản lý thực hiện:

5.1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ bổ sung dự toán năm 2016 cho Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước, để cấp cho Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các huyện có nguồn thực hiện chính sách tại địa phương.

5.2. Các đơn vị sử dụng kinh phí có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT:BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng nội dung, đối tượng, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

5.3. Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm chủ động thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT:BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/4/2016 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh có trách nhiệm tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và báo cáo theo quy định.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các địa phương được cấp kinh phí và các ngành, các đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký .

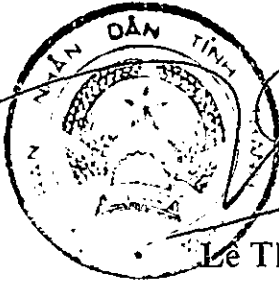
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các địa phương được cấp kinh phí; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Thư

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn2016244 (15).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Lê Thị Thìn

PHỤ LỤC:

Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

(Kèm theo Quyết định số: **4862** /QĐ-UBND ngày **14/12/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên huyện	Đối tượng được hỗ trợ	Trong đó		Nhu cầu kinh phí	Kinh phí phân bổ đợt này
			Năm 2015	Năm 2016		
	Tổng cộng:	1.846	519	1.327	3.692	1.860
1	Huyện Mường Lát	35	9	26	70	35
2	Huyện Quan Sơn	220	67	153	440	220
3	Huyện Quan Hoá	175	53	122	350	175
4	Huyện Lang Chánh	158	64	94	316	158
5	Huyện Bá Thước	277	95	182	554	277
6	Huyện Cẩm Thủy	104	32	72	208	104
7	Huyện Ngọc Lặc	194	49	145	388	194
8	Huyện Thường Xuân	148	38	110	296	148
9	Huyện Như Xuân	256	46	210	512	256
10	Huyện Như Thanh	135	45	90	270	135
11	Huyện Thạch Thành	67	0	67	134	67
12	Huyện Thọ Xuân	30	10	20	60	39
13	Huyện Triệu Sơn	37	8	29	74	37
14	Huyện Vĩnh Lộc	2	1	1	4	4
15	Huyện Tĩnh Gia	5	2	3	10	5
16	Huyện Yên Định	3	0	3	6	6